

Bản án số: 149/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2023

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Chí Linh

Ông Phạm Minh Sang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Bùi Xuân H, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TB huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Trình bày của ông Bùi Xuân H:**

Về hôn nhân: Ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 15/11/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông H và bà T hiện đang sống ly thân, xét thấy hôn nhân không thể kéo dài nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Ngọc T có 03 con chung tên Bùi Thảo V, sinh ngày 30/10/2003 (giới tính nữ); Bùi Hải N, sinh ngày 04/12/2005 (giới tính nam) và Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/8/2014 (giới tính nữ). Khi ly hôn, các cháu Bùi Thảo V đã trưởng thành, không đặt ra yêu cầu xem xét, ông H yêu

cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Bùi Hải N và cháu Bùi Nguyễn Bảo N, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Bùi Xuân H xác định ông và bà Nguyễn Ngọc T tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét;

Nợ chung: Ông Bùi Xuân H xác định ông và bà Nguyễn Ngọc T không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Bùi Xuân H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với vợ là bà Nguyễn Ngọc T. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; bà Nguyễn Ngọc T có nơi cư trú tại ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do, ông Bùi Xuân H có mặt. Do đó, xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Hôn nhân: Ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 15/11/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông H và bà T hiện đang sống ly thân nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, ông H xác định ông và bà T không còn tình cảm, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Bùi Xuân H yêu cầu được ly hôn với vợ là bà Nguyễn Ngọc T. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông và bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do bà T vắng mặt không có lí do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông H và bà T được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Ngọc T có 03 con chung tên Bùi Thảo V, sinh ngày 30/10/2003 (giới tính nữ); Bùi Hải N, sinh ngày 04/12/2005 (giới tính nam) và Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/8/2014 (giới tính nữ). Khi ly hôn, cháu Bùi Thảo V đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu xem xét, ông H yêu

cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Bùi Hải N và cháu Bùi Nguyễn Bảo N, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các cháu Bùi Hải N và Bùi Nguyễn Bảo N đều đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng sống với cha là ông Bùi Xuân H, bà T không có ý kiến gì về con chung nên chấp nhận cho ông H tiếp tục nuôi dạy các cháu Bùi Hải N, Bùi Nguyễn Bảo N, ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[5] Tài sản chung: Ông Bùi Xuân H xác định ông và bà T tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét, bà T không có ý kiến gì phản hồi. Do đó, không xem xét là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Ông Bùi Xuân H xác định ông và bà Nguyễn Ngọc T không có nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của vợ chồng ông bà, bà T không có ý kiến gì đối với vấn đề này nên không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Bùi Xuân H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Xuân H về việc ly hôn đối với bà Nguyễn Ngọc T.

Về hôn nhân: Ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Bùi Hải N, sinh ngày 04/12/2005 (giới tính nam) và cháu Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/8/2014 (giới tính nữ) và cho ông Bùi Xuân H tiếp tục nuôi dạy, ông H không đặt ra yêu cầu bà Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đối với cháu Bùi Thảo V, sinh ngày 30/10/2003 (giới tính nữ) đã trưởng thành, ông H không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xét. Bà Nguyễn Ngọc T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung: Ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Ngọc T tự thỏa thuận phân chia nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Ông Bùi Xuân H xác định vợ chồng không có nợ chung, không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xem xét.

Về án phí: Ông Bùi Xuân H nộp án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vào ngày 27 tháng 02 năm 2023, ông H có dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003406 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự có mặt biết có quyền quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án, đương sự vắng mặt biết có quyền quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TB;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh